

CÁC HẠNG MỤC CẦN ĐIỀN TRONG ĐƠN KHAI XIN CẤP VISA

[Hạng mục cần lưu ý]

- Điền đầy đủ, chính xác vào tất cả các mục, không được bỏ sót mục nào. Trường hợp điền sai sự thật thì có thể bị coi là xin giả mạo.
- Đối với mục cần điền vào ô trống thì hãy chọn và đánh dấu vào ô thích hợp.

[Các hạng mục cần điền]

1. Họ tên

Ghi đúng như hộ chiếu (Nếu có tên khác ngoài họ tên ghi trong hộ chiếu thì điền cả họ tên khác đó)

2. Ngày sinh, nơi sinh

Nơi sinh ghi theo thứ tự: Thành phố/Thị xã (Hoặc Quận/ Huyện trực thuộc Tỉnh), Tỉnh (Hoặc Thành phố trực thuộc trung ương), Quốc gia

Ví dụ 1: Thanh Khe, Da Nang, Viet Nam; Ví dụ 2: Hoi An, Quang Nam, Da Nang (Viết bằng tiếng Anh)

3. Giới tính, tình trạng hôn nhân

Tình trạng hôn nhân điền theo nội dung:

☐ Độc thân (Single) ☐ Kết hôn (Married) ☐ Góa vợ/chồng (Widowed) ☐ Ly hôn (Divorced)

4. Quốc tịch

5. Số chứng minh thư nhân dân/ Căn cước công dân

6. Loại hộ chiếu, số hộ chiếu

☐ Ngoại giao (Diplomatic) ☐ Công vụ (Official) ☐ Phổ thông (Ordinary) ☐ Other (Loại khác)

7. Nơi cấp, ngày cấp hộ chiếu

8. Cơ quan cấp, ngày hết hiệu lực hộ chiếu

9. Mục đích nhập cảnh

10. Thời gian dự định lưu trú tại Nhật Bản

11. Ngày đến Nhật Bản

12. Sân bay đến của Nhật Bản

13. Nơi lưu trú tại Nhật Bản, địa chỉ và số điện thoại

Điền tên khách sạn, tên người liên quan của nơi dự định lưu trú, địa chỉ và số điện thoại.

Số điện thoại cần phải điền cả mã vùng.

14. Quá khứ đã từng lưu trú tại Nhật Bản

Ghi rõ thời gian đã từng lưu trú tại Nhật Bản nếu có (Từ ngày/tháng/năm đến ngày/tháng/năm, tổng số ngày). Nếu chưa từng đến Nhật Bản ghi "NO".

15. Địa chỉ hiện tại, số điện thoại, số di động, email của người xin cấp visa

Điền tất cả các mục không để trống. Địa chỉ cần ghi chi tiết, số điện thoại cần ghi cả mã vùng.

16. Nghề nghiệp hiện tại của người xin cấp visa

17. Tên cơ quan, địa chỉ nơi làm việc của người xin cấp visa

18. Nghề nghiệp của vợ/chồng (Trong trường hợp vị thành niên thì ghi nghề nghiệp của bố/mẹ)

19. Họ tên, địa chỉ, số điện thoại, ngày sinh, giới tính, mối quan hệ với người xin cấp visa, nghề nghiệp, quốc tịch của người bảo lãnh tại Nhật Bản

20. Họ tên, địa chỉ, số điện thoại, ngày sinh, giới tính, mối quan hệ với người xin cấp visa, nghề nghiệp, quốc tịch của người mời tại Nhật Bản

Nếu người mời chính là người bảo lãnh ở mục 19 thì ghi “Như trên” (“Same as above”)

21. Phần ghi chú: Điền vào nếu có tình huống đặc biệt

22. Điền lý lịch phạm tội, v.v.. cho đến thời điểm hiện tại

Nhớ điền dấu tích theo thứ tự từ trên xuống vào ô có hoặc không ở 6 mục dưới đây.

- Từng bị phán quyết có tội do phạm pháp ở trong hay ngoài nước hay không?
- Bị tù, giam giữ từ 1 năm trở lên hay không?
- Từng bị phán quyết có tội do vi phạm về ma túy hay không?
- Từng làm các công việc liên quan đến mại dâm, môi giới mại dâm hay xúi giục mại dâm, v.v.. không?
- Từng liên quan đến buôn bán người không?

23. Chữ ký

- Luôn luôn phải là chính người xin cấp visa ký tên (Trừ trẻ nhỏ, trẻ vị thành niên)

Lưu ý: Cần chú ý rằng người khác không phải là chính chủ ghi tên của người xin cấp visa vào thì cũng không được chấp nhận là chữ ký của người xin cấp visa (Trong trường hợp phát hiện ra chữ ký giả mạo là của người khác không phải chính chủ thì có khả năng gây bất lợi cho người xin cấp visa).

- Trường hợp người xin visa không thể viết (ví dụ: trẻ nhỏ, v.v..) thì bố/mẹ (Người đại diện pháp luật) ký thay cho trẻ, sau đó, ghi rõ mối quan hệ với trẻ (ví dụ: bố, mẹ, v.v..)

24. Ảnh

Cỡ ảnh là 4.5x3.5cm. Ảnh chụp trong vòng 6 tháng, nhìn rõ mặt.

Ghi họ tên ở mặt sau của ảnh, sau đó dán ảnh bằng keo/hồ dán. Không được dập ghim.

Ảnh không nhìn rõ mặt do bị bẩn, rách hỏng, v.v.. thì không được chấp nhận.

VISA APPLICATION FORM TO ENTER JAPAN

24

(Paste photo here)

写真は6か月以内に撮影し、顔が明確なもの。写真の裏に申請人名を記載して、のりで貼付。
Ảnh chụp trong vòng 6 tháng, nhìn rõ mặt. Dán bằng hồ dán.

1 Surname (as shown in passport) NGUYEN
Given and middle names (as shown in passport) THI NGUYEN
Other names (including any other names you are or have been known by) _____

2 Date of birth 01/11/1985 Place of birth HA NOI VIET NAM
(Day)/(Month)/(Year) (City) (State or Province) (Country)

3 Sex: Male ☐ Female ☒ Marital status: Single ☐ Married ☒ Widowed ☐ Divorced ☐

4 Nationality or citizenship VIET NAM
Former and/or other nationalities or citizenships _____

5 ID No. issued to you by your government 123456789

6 Passport type: Diplomatic ☐ Official ☐ Ordinary ☒ Other ☐ Passport No. A1234567

7 Place of issue HA NOI CITY Date of issue 01/01/2018
(Day)/(Month)/(Year)

8 Issuing authority IMMIGRATION DEPARTMENT Date of expiry 01/01/2028
(Day)/(Month)/(Year)

9 Purpose of visit to Japan SIGHTSEEING 入国目的・滞在予定期間も忘れずに記入
Ghi rõ mục đích nhập cảnh, thời gian lưu trú.

10 Intended length of stay in Japan 7 DAYS

11 Date of arrival in Japan 01/12/2018

12 Port of entry into Japan NARITA Name of ship or airline VA001

13 Names and addresses of hotels or persons with whom applicant intends to stay
Name HOTEL FUJIYAMA Tel. 03-3580-1111
Address 1-1 KASUMIGASEKI, CHIYODA-KU, TOKYO

14 Dates and duration of previous stays in Japan 01~06/04/2018 : 6DAYS

15 Your current residential address (if you have more than one address, please list them all)
Address 27, LIEU GIAI ST, BA DINH DISTRICT, HA NOI CITY, VIET NAM
Tel. 04 1234 5678 Mobile No. 090 1234 567
E-Mail *****@gmail.com

16 Current profession or occupation and position COMPANY EMPLOYEE, DIRECTOR

17 Name and address of employer
Name JAPAN TRADE CO., LTD Tel. 04 2345 6789
Address 27A, LIEU GIAI ST, BA DINH DISTRICT, HA NOI CITY, VIET NAM

- 全ての項目について、記入漏れがないよう、また、正確に記載して下さい。
- チェック欄の項目は、必ずいずれかを選択し、チェックを入れて下さい。

+ Điền đầy đủ, chính xác vào tất cả các mục, không được bỏ sót mục nào.
+ Đối với mục cần điền vào ô trống thì hãy chọn và đánh dấu vào ô thích hợp.

*Partner's profession/occupation (or that of parents, if applicant is a minor):

18

19

Guarantor or reference in Japan(Please provide details of the guarantor or the person to be visited in Japan)

Name SHOTARO GAIMU Tel. 0312346789

Address 1-2 KASUMIGASEKI, CHIYODA-KU, TOKYO

Date of birth 01/12/1980 Sex: Male ☒ Female ☐
(Day)/(Month)/(Year)

Relationship to applicant FRIEND

Profession or occupation and position COMPANY EMPLOYEE, DIRECTOR

Nationality and immigration status JAPANESE

20

Inviter in Japan(Please write 'same as above' if the inviting person and the guarantor are the same)

Name SAME AS ABOVE Tel. SAME AS ABOVE

Address SAME AS ABOVE

Date of birth 01/12/1980 Sex: Male ☒ Female ☐
(Day)/(Month)/(Year)

Relationship to applicant SAME AS ABOVE

Profession or occupation and position SAME AS ABOVE

Nationality and immigration status SAME AS ABOVE

忘れずにチェックして下さい。
Nhớ điền đầy đủ vào ô trống

21

*Remarks/Special circumstances, if any

22

Have you ever:

- been convicted of a crime or offence in any country? Yes ☐ No ☒
- been sentenced to imprisonment for 1 year or more in any country? ** Yes ☐ No ☒
- been deported or removed from Japan or any country for overstaying your visa or violating any law or regulation? Yes ☐ No ☒
- been convicted and sentenced for a drug offence in any country in violation of law concerning narcotics, marijuana, opium, stimulants or psychotropic substances? ** Yes ☐ No ☒
- engaged in prostitution, or in the intermediation or solicitation of a prostitute for other persons, or in the provision of a place for prostitution, or any other activity directly connected to prostitution? Yes ☐ No ☒
- committed trafficking in persons or incited or aided another to commit such an offence? Yes ☐ No ☒

** Please tick "Yes" if you have received any sentence, even if the sentence was suspended.

If you answered "Yes" to any of the above questions, please provide relevant details.

乳幼児等本人が署名できない場合、親（法定代理人）が代わりに署名し、また申請人本人との関係を明記して下さい。 Trường hợp là trẻ em chưa biết viết thì bố / mẹ (Người đại diện pháp luật) ký thay, sau đó ghi rõ mối quan hệ với người xin cấp visa.

"I hereby declare that the statement given above is true and correct. I understand that immigration status and period of stay to be granted are decided by the Japanese immigration authorities upon my arrival. I understand that possession of a visa does not entitle me to entry if he or she is found inadmissible."

"I hereby declare that the statement given above is true and correct. I understand that immigration status and period of stay to be granted are decided by the Japanese immigration authorities upon my arrival. I understand that possession of a visa does not entitle me to entry if he or she is found inadmissible."

日付も忘れず記載。

Ghi rõ ngày tháng năm nộp hồ sơ

"I hereby declare that the statement given above is true and correct. I understand that immigration status and period of stay to be granted are decided by the Japanese immigration authorities upon my arrival. I understand that possession of a visa does not entitle me to entry if he or she is found inadmissible."

申請人本人の署名

Chữ ký của chính chủ người xin cấp visa

23

Date of application 01/10/2018
(Day)/(Month)/(Year)

Signature of applicant

* It is not mandatory to complete these items.

Any personal information gathered in this application as well as additional information submitted for the visa application

上から順次チェック ●犯罪による有罪判決 ●1年以上の拘禁・懲役 ●オーバーステイその他法違反による強制送還
●薬物違反による有罪判決 ●売春の関与 ●人身売買の関与

Điền theo thứ tự từ trên xuống:

+ Từng bị phán quyết có tội do phạm pháp hay không? + Bị tù, giam giữ từ 1 năm trở lên + Từng bị trục xuất vì lưu trú bất hợp pháp hay vì vi phạm pháp luật không? + Từng bị phán quyết có tội do vi phạm về ma túy hay không? + Có liên quan đến mại dâm không? + Có liên quan đến buôn bán người không?